

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2025
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
Ông Nguyễn Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Dịu H, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Danh B, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Dịu H trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh D B tự quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới,

nhưng đến thời gian sau này mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2016, ngày 26/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng năm 2019, giữa chị và anh B phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên chị và anh B đã ly thân từ đó cho đến nay. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống như thế này được nữa, chị muốn giải thoát cuộc hôn nhân này, để mỗi người có cuộc sống tốt hơn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh B chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác nhận trong quá trình chung sống chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Danh B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Thị Xà P là mẹ ruột của B nhận thay và cam kết sẽ chuyển thông tin đến anh B, nhưng anh B đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Dịu H xin được ly hôn với anh Danh B. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Danh B có nơi cư trú tại khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Dịu H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Danh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Dịu H và anh Danh B tự quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, nhưng đến thời gian sau này mới đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2016, ngày 26/5/2016. Như vậy, hôn nhân giữa chị H với anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh B thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị H với anh B có phát sinh mâu thuẫn, mà theo trình bày của chị H là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên chị và anh B đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị H xác định trong thời gian chị và anh B sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh B không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên để hai bên đoàn tụ gia đình, nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh B. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhiều lần, thông qua người nhận là bà Thị Xà P - mẹ ruột của anh B và cam kết sẽ chuyển thông tin đến anh B, nhưng anh B đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh B cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh B đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh B là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh B.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị H xác nhận quá trình chung sống giữa anh chị chưa có con chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung*: Chị H xác nhận trong quá trình chung sống chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diệu H được ly hôn với anh Danh B.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Diệu H xác nhận chưa có con chung, nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Trần Diệu H xác nhận giữa chị và anh Danh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Diệu H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011087 ngày 06 tháng 3 năm

2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chi H không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Linh Huỳnh,
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy

